

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: *2426* /UBND-KT  
V/v tăng cường quản lý và kê khai  
sản lượng khoáng sản khai thác

Lào Cai, ngày *03* tháng *6* năm 2022

Kính gửi:

- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Tài chính, Giao thông vận tải – Xây dựng, Thông tin và Truyền thông;
- Cục Thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các tổ chức hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Để hoạt động khoáng sản đi vào nền nếp, chấp hành đúng các quy định của pháp luật có liên quan, tránh thất thu cho ngân sách nhà nước; xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại văn bản số 1250/STNMT-KSN ngày 26/5/2022 về việc quản lý và kê khai sản lượng khoáng sản khai thác. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai có ý kiến như sau:

**1. Đối với các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác khoáng sản.**

1.1. Theo từng loại khoáng sản được phép khai thác, thực hiện và cập nhật đầy đủ các loại sổ sách, chứng từ, tài liệu về kỹ thuật hoặc về tài chính theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản, cụ thể:

- Về sổ sách, chứng từ, tài liệu về kỹ thuật, gồm:

+ Sổ theo dõi, thống kê khối lượng khoáng sản nguyên khai và khối lượng đất đá thải (nếu có); hộ chiếu nổ mìn, phiếu xuất kho vật liệu nổ công nghiệp;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng của từng khâu công nghệ khai thác, gồm: Chuẩn bị đất đá, xúc bốc, vận tải, thải đá;

+ Bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản;

+ Kết quả đo đạc, tính toán tổn thất, làm nghèo khoáng sản.

- Sổ sách, chứng từ, tài liệu về tài chính, gồm:

+ Hóa đơn mua vào/phiếu xuất kho nguyên, nhiên liệu cung cấp cho các khâu công nghệ khai thác nêu tại điểm b khoản 2 Điều này;

+ Hóa đơn bán hàng/phiếu xuất khoáng sản nguyên khai vận chuyển ra ngoài khu vực khai thác khoáng sản;

+ Hợp đồng mua bán khoáng sản nguyên khai hoặc khoáng sản đã qua đập, nghiền, sàng, tuyển rửa; biên bản nghiệm thu khối lượng; bản thanh lý hợp đồng mua bán khoáng sản.

1.2. Định kỳ 6 tháng lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thông kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế theo Thông tư số 17/2020/TT-BTNMT ngày 24/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập bản đồ, bản vẽ mặt cắt hiện trạng khu vực được phép khai thác, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác và quy trình, phương pháp, biểu mẫu để xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế (Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các văn bản: số 244 /STNMT-KS ngày 27/01/2021; số 466/STNMT-KSN ngày 26/02/2022).

1.3. Lắp đặt, vận hành hệ thống trạm cân, camera để giám sát sản lượng khoáng sản nguyên khai theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/12/2016 của Chính phủ (UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo số 2456/UBND-KT ngày 30/6/2021; Sở Tài nguyên và Môi trường đã có nhiều văn bản đôn đốc).

1.4. Báo cáo sản lượng khoáng sản khai thác theo từng tháng gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường **trước ngày 05 của tháng tiếp theo** để theo dõi, quản lý (UBND tỉnh đã chỉ đạo tại văn bản số 2456/UBND-KT ngày 09/6/2021; Sở Tài nguyên và Môi trường đã có các văn bản yêu cầu: số 2081/STNMT-KS ngày 24/8/2020; số 466/STNMT-KSN ngày 26/02/2021; số 1217/STNMT-KSN ngày 23/5/2022). Báo cáo sản lượng hàng tháng cần kèm theo các tài liệu sau (phô to đóng dấu giáp lai): Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên; phiếu qua trạm cân, ...

1.5. Thực hiện kê khai, nộp thuế, phí trung thực, đúng quy định, đặc biệt là đối với quặng có giá trị như quặng apatit loại I dạng cục hoặc dạng bột. Trường hợp phát hiện có sự gian lận khối lượng, trốn thuế sẽ bị xem xét xử lý theo quy định của pháp luật.

## **2. Các sở, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố**

2.1. Tiếp tục tăng cường việc thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động khoáng sản, đặc biệt kiểm tra về sản lượng khai thác trên nhiều tiêu chí (sổ sách, chứng từ, tài liệu về kỹ thuật hoặc về tài chính) theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

- Đối với các mỏ sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, giao Sở Công Thương rà soát, tổng hợp khối lượng khoáng sản thực tế đã khai thác của các mỏ tương ứng với khối lượng vật liệu nổ đã cấp. Đồng thời, nghiên cứu tham mưu thực hiện việc

cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phù hợp với công suất khai thác khoáng sản được cấp phép.

- Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường nghiên cứu tham mưu việc kết nối dữ liệu từ trạm cân, camera giám sát tại các mỏ khoáng sản đến cơ quan quản lý cấp tỉnh và chính quyền cấp huyện để theo dõi, giám sát, quản lý số liệu về sản lượng khoáng sản từ hệ thống nêu trên.

- Giao Cục Thuế tỉnh theo dõi, giám sát về sổ sách, chứng từ, tài liệu về tài chính làm căn cứ xác định sản lượng khoáng sản khai thác thực tế trên cơ sở đó đối chiếu với sản lượng đã kê khai hàng tháng để tham mưu, đề xuất quản lý, xử lý theo quy định. Trường hợp cần thiết và có dấu hiệu vi phạm đề xuất thanh tra, kiểm tra sản lượng khai thác thực tế của các doanh nghiệp. Định kỳ vào ngày 10 hàng tháng cung cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường số liệu sản lượng khoáng sản tổ chức, cá nhân kê khai nộp thuế phí để phối hợp quản lý. Đối với khoáng sản khi kê khai thuế, trong biểu giá tính thuế có giá các loại quặng nguyên khai, tinh quặng, quặng kim loại thì yêu cầu Cục Thuế tỉnh tính thuế theo loại quặng đảm bảo không thất thu ngân sách; nếu sản lượng kê khai thuế có dấu hiệu bất thường phải thông tin cho Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp xử lý tránh thất thu ngân sách.

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường:

+ Gửi văn bản này cho các tổ chức khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và đơn đốc báo cáo theo thời gian quy định.

+ Tổng hợp báo cáo hàng tháng của các tổ chức khai thác khoáng sản; báo cáo, đề xuất UBND tỉnh chậm nhất ngày 10 của tháng tiếp theo.

Căn cứ văn bản này, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./...*ua*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- TT UBND tỉnh;
- Báo Lào Cai
- Đài PTTH tỉnh;
- PCVP2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH3, KT1.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Quốc Khánh**